

**BÀI TẬP ÔN HÈ – NGỮ ÂM**  
**MÔN: TIẾNG ANH 7 FRIENDS PLUS**



**BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM**

**I. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?**

- |                        |                      |                         |                    |
|------------------------|----------------------|-------------------------|--------------------|
| 1. A. p <u>l</u> ace   | B. st <u>a</u> dium  | C. p <u>a</u> rk        | D. b <u>a</u> kery |
| 2. A. h <u>i</u> de    | B. c <u>i</u> ty     | C. k <u>i</u> te        | D. r <u>i</u> de   |
| 3. A. p <u>i</u> cture | B. co <u>a</u> t     | C. l <u>o</u> t         | D. b <u>e</u> t    |
| 4. A. <u>ch</u> ange   | B. <u>sch</u> ool    | C. <u>ch</u> eck        | D. <u>ch</u> icken |
| 5. A. act <u>o</u> r   | B. c <u>o</u> llect  | C. in <u>fo</u> rmation | D. g <u>o</u>      |
| 6. A. t <u>r</u> y     | B. p <u>ro</u> bably | C. ex <u>a</u> ctly     | D. s <u>u</u> nnny |
| 7. A. g <u>r</u> oup   | B. f <u>o</u> und    | C. r <u>o</u> und       | D. m <u>o</u> uth  |
| 8. A. p <u>a</u> int   | B. h <u>a</u> ir     | C. f <u>a</u> ir        | D. ch <u>a</u> ir  |
| 9. A. m <u>e</u> nd    | B. m <u>o</u> ment   | C. s <u>e</u> nd        | D. l <u>e</u> nd   |
| 10. A. i <u>s</u> land | B. m <u>i</u> slabel | C. i <u>s</u> le        | D. a <u>i</u> sl   |

**II. Which word has a different stress pattern from that of the others?**

- |                   |              |               |              |
|-------------------|--------------|---------------|--------------|
| 1. A. menu        | B. around    | C. sweater    | D. dollar    |
| 2. A. countable   | B. delicious | C. popular    | D. wonderful |
| 3. A. parade      | B. London    | C. music      | D. costume   |
| 4. A. daughter    | B. relax     | C. parent     | D. mammal    |
| 5. A. celebrate   | B. elephant  | C. extremely  | D. dangerous |
| 6. A. expensive   | B. impatient | C. magazine   | D. together  |
| 7. A. prefer      | B. language  | C. transport  | D. moment    |
| 8. A. concert     | B. canteen   | C. comment    | D. subway    |
| 9. A. overweight  | B. probably  | C. organize   | D. average   |
| 10. A. Antarctica | B. American  | C. television | D. amphibian |

-----THE END-----

## HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiai hay.com

|    |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|----|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
| I  | 1. C | 2. B | 3. A | 4. B | 5. D | 6. A | 7. A | 8. A | 9. B | 10. B |
| II | 1. B | 2. B | 3. A | 4. B | 5. C | 6. C | 7. A | 8. B | 9. A | 10. C |

I.

**Phương pháp chung:**

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.
- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.
- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

**1. C**

- A. place /pleɪs/
- B. stadium /'steɪdiəm/
- C. park /pɑ:k/
- D. bakery /'beɪkəri/

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm /ɑ:/, các phương án còn lại phát âm /eɪ/.

Chọn C

**2. B**

- A. hide /haɪd/
- B. city /'sɪti/
- C. kite /kaɪt/
- D. ride /raɪd/

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm /ɪ/, các phương án còn lại phát âm /aɪ/.

Chọn B

**3. A**

- A. picture /'pɪktʃə/
- B. coat /kəʊt/
- C. lot /lɒt/
- D. bet /bet/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /tʃ/, các phương án còn lại phát âm /t/.

Chọn A

**4. B**

- A. change /tʃeɪndʒ/
- B. school /sku:l/
- C. check /tʃek/
- D. chicken /'tʃɪkɪn/

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm /k/, các phương án còn lại phát âm /tʃ/.

Chọn B

**5. D**

A. actor /'æktə/

B. collect /kə'lekt/

C. information /,ɪnfə'meɪʃn/

D. go /gəʊ/

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /əʊ/, các phương án còn lại bắt đầu bằng âm /ə/.

Chọn D

**6. A**

A. try /traɪ/

B. probably /'prɒbəbli/

C. exactly /ɪg'zæktli/

D. sunny /'sʌni/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /aɪ/, các phương án còn lại phát âm /i/.

Chọn A

**7. A**

A. group /gru:p/

B. found /faʊnd/

C. round /raʊnd/

D. mouth /maʊθ/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /u:/, các phương án còn lại phát âm /aʊ/.

Chọn A

**8. A**

A. paint /peɪnt/

B. hair /heə(r)/

C. fair /feə(r)/

D. chair /tʃeə(r)/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /eɪ/, các phương án còn lại phát âm /eə/.

Chọn A

**9. B**

A. mend /mend/

B. moment /'məʊmənt/

C. send /send/

D. lend /lend/

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm /ə/, các phương án còn lại phát âm /e/.

Chọn B

### 10. B

A. island /'aɪlənd/

B. mislabel /,mɪs'leɪbl/

C. islle /aɪl/

D. aisle /aɪl/

Phần được gạch chân ở phương án B phát âm là /s/, các phương án còn lại phát âm /l/.

Chọn B

## II.

### Phương pháp chung:

- Đọc các từ để xác định trọng âm chính của từ.
- Trọng âm là âm tiết khi đọc lên nghe như chứa dấu sắc trong tiếng Việt.
- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu trọng âm là dấu nhảy trên ngay trước âm tiết.
- So sánh để chọn ra đáp án có trọng âm khác với các từ còn lại.

### 1. B

A. menu /'menju:/ => trọng âm 1

B. around /ə'raʊnd/ => trọng âm 2

C. sweater /'swetə(r)/ => trọng âm 1

D. dollar /'dɒlə(r)/ => trọng âm 1

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

### 2. B

A. countable /'kaʊntəbl/ => trọng âm 1

B. delicious /dɪ'lɪʃəs/ => trọng âm 2

C. popular /'pɒpjələ(r)/ => trọng âm 1

D. wonderful /'wʌndəfl/ => trọng âm 1

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

### 3. A

A. parade /pə'reɪd/ => trọng âm 2

B. London /'lʌndən/ => trọng âm 1

C. music /'mju:zɪk/ => trọng âm 1

D. costume /'kɒstju:m/ => trọng âm 1

Phương án A có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn A

**4. B**

A. daughter /'dɔ:tə(r)/ => trọng âm 1

B. relax /rɪ'læks/ => trọng âm 2

C. parent /'peərənt/ => trọng âm 1

D. mammal /'mæml/ => trọng âm 1

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

**5. C**

A. celebrate /'selibreɪt/ => trọng âm 1

B. elephant /'elɪfənt/ => trọng âm 1

C. extremely /ɪk'stri:mli/ => trọng âm 2

D. dangerous /'deɪndʒərəs/ => trọng âm 1

Phương án C có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn C

**6. C**

A. expensive /ɪk'spensɪv/ => trọng âm 2

B. impatient /ɪm'peɪfnt/ => trọng âm 2

C. magazine /,mæɡə'zi:n/ => trọng âm 3

D. together /tə'geðə(r)/ => trọng âm 2

Phương án C có trọng âm 3, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn C

**7. A**

A. prefer /prɪ'fɜ:(r)/ => trọng âm 2

B. language /'læŋɡwɪdʒ/ => trọng âm 1

C. transport /'trænsɒ:t/ (danh từ) => trọng âm 1

D. moment /'məʊmənt/ => trọng âm 1

Phương án A có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn A

**8. B**

A. concert /'kɒnsɜ:t/ => trọng âm 1

B. canteen /kæn'ti:n/ => trọng âm 2

C. comment /'kɒment/ => trọng âm 1

D. subway /'sʌbweɪ/ => trọng âm 1

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

**9. A**

A. overweight /ˌəʊvə'weɪt/ => trọng âm 2

B. probably /'prɒbəbli/ => trọng âm 1

C. organize /'ɔ:gənaɪz/ => trọng âm 1

D. average /'ævərɪdʒ/ => trọng âm 1

Phương án A có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn A

**10. C**

A. Antarctica /æn'tɑ:ktɪkə/ => trọng âm 2

B. American /ə'merɪkən/ => trọng âm 2

C. television /'teləvɪʒn/ => trọng âm 1

D. amphibian /æm'fɪbiən/ => trọng âm 2

Phương án C có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn C